

Bản án số: 216/2024/DS-PT  
Ngày: 28-11-2024  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Thành Trung

**Các Thẩm phán:** Ông Phạm Văn Long

Ông Nguyễn Văn Thành

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Trần Hương Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024 /DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Thạch Thi H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**Người đại diện theo uỷ quyền của bà H:** Chị Thạch Mai L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản uỷ quyền ngày 28/7/2022). (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Thạch L1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Phạm Minh L2, là luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thạch Khem R, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Thạch Thị M, sinh năm 1979; (có mặt)

3. Chị Thạch Thị L3, sinh năm 1982; (vắng mặt)

4. Chị Thạch Thị P, sinh năm 1985; (vắng mặt)

5. Anh Thạch Thái L4, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Chị Thạch Thị H1, sinh năm 1982; (vắng mặt)

7. Chị Thạch Đa N, sinh năm 1983; (vắng mặt)
8. Chị Thạch Thị Hòa R1, sinh năm 1984; (vắng mặt)
9. Chị Thạch Mai L, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh;

Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo uỷ quyền của Thạch Đa N, Thạch Thị Hòa R1, và chị Thạch Thị H1: chị Thạch Mai L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản uỷ quyền ngày 28/7/2022. (có mặt)*

*Người đại diện theo uỷ quyền của Thạch Khem R, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4: chị Thạch Thị M, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản uỷ quyền ngày 14/5/2022 (có mặt)*

Người kháng cáo: ông Thạch L1 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Thạch Thị H2 uỷ quyền cho chị Thạch Mai L làm đại diện trình bày như sau:*

Ông bà nội chị là ông Thạch P1 (chết năm 1986) và bà Thạch Thị S (chết năm 1984) để lại cho cha chị là ông Thạch H3 (chết năm 2014) thừa 633, tờ bản đồ số 5 diện tích 1860m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; ông Thạch H3 được cấp quyền sử dụng đất năm 1996. Khi ông bà nội chị còn sống có phân chia đất cho các con mỗi người một phần trong đó có ông L1 nhưng ông L1 bán hết, khi ông L1 có gia đình sống ở huyện T (gia đình bên vợ), sau khi ông L1 lập gia đình ông đi Thái Lan sinh sống, thời gian sau ông L1 về quê và đến cất chòi tre lá trên thửa đất 663 do được nhà từ thiện cho cây giồng, cho heo giống cho thức ăn để chăn nuôi sau đó ông L1 bán và đi Thái Lan tiếp tục không ở trên đất, đến năm 2020 ông L1 đến tự ý xây hàng rào yêu cầu gia đình chị phải di dời trại rơm ra khỏi đất nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Thạch Thị H2 yêu cầu ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 phải tháo dỡ và di dời hàng rào lưới B40 phần dưới đổ gạch ống cao dưới 0,45m phần trên là lưới B40 cao 1,52m, trả lại diện tích đất 351,4m<sup>2</sup> trong diện tích 1.860m<sup>2</sup> thửa 633, tờ bản đồ số 5, loại đất ở và cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Thạch H3 (chết 2014) chồng bà Thạch Thị H2 đứng tên quyền sử dụng đất.

*Tại các bản khai bị đơn ông Thạch L1 trình bày:* Về nguồn gốc thửa đất 633, tờ bản đồ số 5 diện tích 1.860m<sup>2</sup> do ông Thạch H3 đứng tên quyền sử dụng đất năm 1996 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ ông L1 để lại, có chia đều cho các con mỗi người một phần, đất của ông L1 giáp phần đất của bà H2, trước đây cha mẹ ông L1 cho không có di chúc chỉ cho bằng miệng không có giấy tờ, năm 1974 ông L1 lập gia đình cùng vợ về sinh sống tại T khi đó ông L1 vẫn qua lại mua bán về cất chòi lá ở trên phần đất này, năm 1986 khi mẹ ông L1 mất ông L1 về ở cùng cha khi cha ông L1 mất có anh hai là Thạch K đứng ra đo cho ông L1 một nền nhà, đến năm 1990 đi Thái Lan sinh sống, năm

1991 ông L1 hồi hương về cất chòi lá một mình sống trên đất này, thời gian sau ông L1 lại về T sinh sống cùng vợ con, năm 2020 ông L1 về lại phần đất trên anh em đồng ý cặm trụ cho ông L1 và xây khuôn viên xung quanh đất bà H2 không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông L1 không đồng ý tháo dỡ và di dời hàng rào lưới B40 phần dưới đổ gạch ống cao dưới 0,45m phần trên là lưới B40 cao 1,52m và ông không đồng ý trả lại diện tích đất 351,4m<sup>2</sup> trong diện tích 1.860m<sup>2</sup> thửa 633, tờ bản đồ số 5, loại đất ở và cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Thạch H3 (chết 2014) chồng bà Thạch Thị H2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông L1 yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 633, tờ bản đồ số 5 diện tích 1860m<sup>2</sup> loại đất ở và cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Thạch H3 (chết) chồng bà Thạch Thị H2 đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận cho ông L1 đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 351,4m<sup>2</sup> trong diện tích 1860m<sup>2</sup> thửa 633, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra ông không ý kiến gì khác.

*Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Chị Thạch Mai L đại diện theo uỷ quyền cho Thạch Đa N, Thạch Thị Hòa R1, và chị Thạch Thị H1 thống nhất lời trình bày trên, không có ý kiến gì thêm.*

*Chị Thạch Thị M thống nhất với ý kiến của ông Thạch L1 ngoài ra không có yêu cầu gì khác.*

*Chị Thạch Thị M đại diện theo uỷ quyền cho Thạch Khem R, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 thống nhất lời trình bày Thạch L1, không có ý kiến gì thêm.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, 157, 165, 235, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các 46, 50, 105, 107 Luật đất đai 2003

Căn cứ các 95, 99, 166, 167, 170 Luật đất đai 2013

Căn cứ điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H2.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Thạch L1.

Công nhận ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 được quản lý sử dụng diện tích 351,4m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 1.860m<sup>2</sup> thuộc thửa 633, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp P, xã H, huyện C;

loại đất ở, cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ do ông Thạch H3 đứng tên vào ngày 04/02//1996.

Buộc gia đình bà Thạch Thị H2, Thạch Đa N, Thạch Thị Hòa R1, Thạch Thị H1 và chị Thạch Mai L phải giao quyền sử dụng 351,4m<sup>2</sup> trong diện tích 1.860m<sup>2</sup> thuộc thửa 633 tọa lạc ấp P, xã H, huyện C; loại đất ở, cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Thạch H3 đứng tên vào ngày 04/02/1996 cho ông Thạch L1 cùng Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch T quản lý, sử dụng.

- Đối với diện tích 351,4m<sup>2</sup> ký hiệu A có tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 634 có kích thước 39,9m;

+ Tây giáp thửa 633 có kích thước 39,9m;

+ Nam giáp thửa 2119 có thước 8,9m;

+ Bắc giáp thửa 633 có kích thước 8,8m;

*(Ký hiệu A trên sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 18/ CNHCN-KTĐC ngày 16/6/2022 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C).*

Ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng diện tích 351,4m<sup>2</sup> và có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

Buộc ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 phải trả 35.140.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*), giá trị đất cho hộ bà Thạch Thị H2 gồm Thạch Đa N, Thạch Thị Hòa R1, Thạch Thị H1 và chị Thạch Mai L.

Đối với tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây vú sữa từ 02-03 năm tuổi; 01 cây táo từ 02 - 03 năm tuổi; 01 cây lê ky ma từ 01 năm - 02 năm tuổi; 80 cây tre cao trên 05m ; 01 cây sanh tính công lao động 150.000đồng/ công lao động; 01 cây mai hoàng hậu tính công lao động 150.000 đồng/công lao động tất cả các loại cây nằm trên đất tranh chấp (diện tích 351,4m<sup>2</sup>) do bà H2 trồng. Hội đồng xét xử giao cho ông L1 được quyền sử dụng nhưng ông L1 phải trả giá trị theo biên bản định giá ngày 19/12/2023; 01 cây vú sữa từ 02-03 năm tuổi có giá 160.000 đồng/cây; 01 cây táo từ 02 – 03 năm tuổi có giá 110.000 đồng/cây; 01 cây lê ky ma từ 01 năm – 02 năm tuổi có giá 10.000 đồng/ cây; 80 cây tre cao trên 05m có giá 40.000 đồng/cây (80 x 40.000đồng/cây = 3.200.000 đồng) 01 cây sanh tính công lao động 150.000đồng/ công lao động có giá là 150.000 đồng; 01 cây mai Hoàng hậu tính công lao động 150.000 đồng/công lao động có giá là 150.000 đồng. Tổng số tiền là 3.880.000 đồng.

Tổng số tiền ông L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 phải trả giá trị cho bà Thạch Thị H2 là 39.020.000 đồng (*trong đó 35.140.000 đồng giá trị đất + 3.880.000 đồng giá trị các loại cây*).

Đối với phần hàng rào trụ đúc sẵn xây tường lửng cao 0,5m lưới B40 khuôn viên diện tích đất 351,4m<sup>2</sup> do ông Thạch L1 xây dựng giao ông L1 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2024 ông Thạch L1 kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc gia đình ông phải trả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bằng 39.020.000 đồng (giá trị quyền sử dụng đất 35.140.000 đồng, giá trị cây trồng trên đất 3.880.000 đồng) và ông không phải chịu tiền thẩm định.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp bị đơn:* Nguồn gốc đất do cụ Thạch P1 và cụ Thạch Thị S là cha mẹ của ông L1 để lại hai bên ông L1 và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều thừa nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Ông L1 là người quản lý, sử dụng từ năm 1986 đến nay cụ thể ông L1 cất nhà tre lá do không đủ điều kiện cất nhà kiên cố, khi ông L1 cất nhà lá bà H2 không tranh chấp, khi tiến hành xác minh anh chị em ruột bà L5, bà L6, bà S1 và ông K thống nhất để lại cho ông L1 đồng ý cho ông L1 xây dựng hàng rào nên cần phải công nhận đất cho ông L1. Không buộc ông L1 thanh toán giá trị đất cho nguyên đơn, không phải chịu chi phí thẩm định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang. Công nhận cho ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 được quản lý sử dụng diện tích 351,4m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 1.860m<sup>2</sup> thuộc thửa 633, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp P, xã H, huyện C; bên ông L1 không phải thanh toán giá trị đất cho bà Thạch Thị H2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông L1 trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm. Việc vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của ông L1 nên Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của ông Thạch L1 yêu cầu không phải trả giá trị đất và giá trị cây trồng.

Nguồn gốc thửa đất 633, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.860m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cụ Thạch P1 (chết năm 1986) và cụ Thạch

Thị S (chết năm 1984) để lại. Điều này được bà Thạch Thị H2 và ông Thạch L1 cùng thừa nhận.

Những người làm chứng là anh chị em ruột của ông Thạch L1 bao gồm: Ông Thạch K, bà Thạch Thị S1, bà Thạch Thị L5, bà Thạch Thị L6 đều cho rằng nguồn gốc đất là của cha mẹ (cụ P1 và cụ S), lúc còn sống cha mẹ đã chia đều đất ruộng cho các con, mỗi người 05 công, còn thừa 633 chưa chia, vì ông Thạch H3 (chồng bà H2) là người ở cùng cha mẹ trên thửa đất 633 nên mọi người để cho ông H3 đứng tên và không tranh chấp. Ngày xưa ông Thạch L1 cũng có cất nhà ở trên thửa đất này một thời gian, sau này về bên vợ sống. Nay họ cùng có ý kiến thống nhất cho ông L1 diện tích mà ông L1 đang tranh chấp với bà H2 thuộc một phần thửa đất 633 diện tích 351,4m<sup>2</sup>.

Bà Thạch Thị H2 cho rằng thửa đất 633 cha mẹ chồng đã cho vợ chồng bà, ông Thạch L1 cũng cho rằng phân đất tranh chấp (một phần thửa 633) cha mẹ cho ông, nhưng cả hai bên không có giấy tờ chứng minh có việc tặng cho đất.

[3] Năm 1996 ông Thạch H3 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, không được các thừa kế của cụ P1 và cụ S thống nhất cho ông H3 thửa đất này. Mặt khác, khi ông Thạch H3 đăng ký cấp quyền sử dụng đất thì ông Thạch L1 cất nhà ở, ông L1 không có ý kiến đồng ý cho ông Thạch H3 đăng ký kê khai nên việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa đất 633, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.860m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Thạch H3 là chưa đúng theo quy định khoản 3 điều 36 Luật đất đai năm 1993.

[4] Thửa đất 633, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.860m<sup>2</sup> là di sản của cụ P1 và cụ S chết để lại. Các đương sự không có ai tranh chấp thừa kế. Thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đã hết. Các anh em của ông Thạch L1 là Thạch K, bà Thạch Thị S1, bà Thạch Thị L5, bà Thạch Thị L6 cũng thống nhất cho ông L1 diện tích 351,4 m<sup>2</sup> còn lại để cho vợ con ông Thạch H3 sử dụng.

Ông Thạch L1 có thời gian cất nhà, sinh sống trên phần đất tranh chấp, nguồn gốc đất của cha mẹ, anh chị em của ông L1 đồng ý để cho ông L1 được ở trên phần đất tranh chấp.

Bà Thạch Thị H2 khởi kiện yêu cầu ông Thạch L1 phải trả lại 351,4 m<sup>2</sup> là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ông Thạch L1. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thạch H3, việc cấp giấy chứng nhận đất của Ủy ban nhân dân huyện C là sai, tuy nhiên ông Thạch H3 đã chết. Căn cứ bản án này Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[5] Phần cây trồng trên đất là do gia đình bà H2 trồng, ông L1 kháng cáo nhưng tại phiên tòa ông thống nhất trả phần giá trị cây trồng cho hộ bà Thạch Thị H2 bằng 3.880.000 đồng nên Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

[6] Xét kháng cáo của ông L1 về chi phí thẩm định: yêu cầu khởi kiện của bà H2 là không có cơ sở chấp nhận nên bà phải chịu 1.931.510đ, bà H2 đã nộp xong không phải nộp tiếp.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông L1 và kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: bà H2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 170, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Thạch L1.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H2

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Thạch L1

3. Công nhận cho ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 được quản lý sử dụng diện tích đất 351,4m<sup>2</sup> loại đất cây lâu năm trong tổng diện tích 1.860m<sup>2</sup> thuộc thửa 633, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp P, xã H, huyện C;

Buộc gia đình bà Thạch Thị H2, Thạch Đa N, Thạch Thị Hòa R1, Thạch Thị H1 và chị Thạch Mai L phải giao quyền sử dụng đất diện tích 351,4m<sup>2</sup> loại đất cây lâu năm trong tổng diện tích 1.860m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, thuộc thửa 633, tọa lạc ấp P, xã H, huyện C, cho ông Thạch L1 cùng Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch T quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất 351,4m<sup>2</sup> có tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 634 có kích thước 39,9m;

+ Tây giáp thửa 633 có kích thước 39,9m;

+ Nam giáp thửa 2119 có thước 8,9m;

+ Bắc giáp thửa 633 có kích thước 8,8m;

*(Ký hiệu A trên sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 18/ CNHCN-KTĐC ngày 16/6/2022 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C).*

Ông Thạch L1, Thạch Khem R, Thạch Thị M, Thạch Thị L3, Thạch Thị P, Thạch Thái L4 có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng diện tích 351,4m<sup>2</sup> và có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại quyền sử dụng đất thửa 633 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp P, xã H, huyện C cho các thửa kế của ông Thạch H3 sau khi trừ diện tích đất công nhận cho gia đình ông Thạch L1.

4. ông Thạch L1 phải có nghĩa vụ trả phần giá trị cây trồng cho bà Thạch Thị H2 là 3.880.000 đồng.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thạch Thị H2, ông Thạch L1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Thạch Thị H2 phải chịu 1.931.510 đồng chi phí thẩm định, định giá. Số tiền này bà đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS Huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Trung**